Các con sông được nhắm mục tiêu cho giả định ngập lụt: sông Chikuma, sông Sawayama, sông Mitaki, sông Sano, sông Izawa, sông Sarashina, sông Miyagawa, sông Ozawa, sông Yuzawa, sông Aratosawa, sông Mezawa, sông Fukuzawa

Sông Chikuma

Sông Sawayama

Sông Mitaki

Cầu Awasa

Cầu Chikuma

Cầu Heiwa

Cầu Kamuriki

Quốc lộ 403

Quốc lộ 18

Đường cao tốc Joshin-etsu

Tàu cao tốc Hokuriku

Đường tỉnh chung Tuyến Shinano-Chikuma

Đường tỉnh chung Tuyến ga Yashiro Teishajo

Đường tỉnh chung Tuyến ga Obasute Teishajo

Đường tỉnh chung Tuyến Mori-Sanmonkyo

Đường sắt Shinano

Ga Yashiro

Ga Chikuma

Yashiro Kominkan
Yashiro Dai-San-Ku Bunkan
Yashiro Dai-Ni-Ku Bunkan
Yashiro Dai-Ichi-Ku Bunkan
Shimin Koryu Senta
San Pawa Fureai Koen (Shinano no Sato Fureai Koen)
Nakamachi Nemunoki Koen
Yashiro Shogakko
Chikuma-shi Jinken Fureai Senta
Chikuma Keisatsusho
Yashiro Minami Koto Gakko
Ikari Koen
Kuiseke Koen
Koshoku Shobosho
Yashiro Ekimae Koban
Kuiseke Hoikuen
Chikumabashi Ryokuchi
Koshoku Kosodate Shien Senta
Kotobuki Arina Chikuma (Koshoku Taiikukan)
Chikuma Shiyakusyo
Shinshu no Sachi Anzu Horu (Koshoku Bunka Kaikan)
Kuiseke Bunkan
Koshoku Chuo Koen
Sakurado Bunkan
Ojima Bunkan
Hanyu Kominkan
Shinden Bunkan
Ussawa Bunkan
Hanyu Chugakko
Hanyu Jido Senta
Hanyu Shogakko
Hanyu Hoikuen
Imojiya Bunkan
Heiwabashi Ryokuchi
Jakumaku Bunkan
Naka Bunkan
Kobuneyama Bunkan
Kobuneyama Koen
Uchikawa Koen
Kashiwashimizu Koen
Uchikawa Bunkan
Sembonyanagi Bunkan
Goka Shogakko
Goka no Sho Hanamidori Komyuniti Paku
Goka Hoikuen
Goka Jidokan
Kabushiki Gaisha Yunion Pureto
Kashio Bunkan
Anzu no Sato Hoikuen
Tobu Taiikukan
Tobu Jido Senta
Higashi Shogakko
Kurashina Komyuniti Senta (Kurashina Bunkan)
Kurashina Undo Hiroba
Mori Kurashina Keisatsukan Chuzaisho
Mori Undo Hiroba
Anzu no Sato Kanko Kaikan (Morinishi Bunkan)
Morihigashi Bunkan

## Khu vực cảnh báo thảm họa trầm tích

- Khu vực cảnh báo đặc biệt về thảm họa trầm tích — Khu vực sụp đổ mái dốc
- Khu vực cảnh báo thảm họa trầm tích — Khu vực sụp đổ mái dốc
- Khu vực cảnh báo đặc biệt về thảm họa trầm tích — Lũ bùn đá
- Khu vực cảnh báo thảm họa trầm tích — Lũ bùn đá
- Khu vực cảnh báo thảm họa trầm tích — Sạt lở đất

## Độ sâu ngập dự kiến

- 10,0m đến 20,0m
- 5,0m đến 10,0m
- 3,0m đến 5,0m — Ngập lụt tầng hai
- 0,5m đến 3,0m — Ngập lụt tầng một
- Dưới 0,5m — Ngập lụt dưới mức sàn

**Những khu vực có nguy cơ lũ lụt gây sập nhà, v.v. (Khu vực mà người dân phải di tản nhanh chóng)**

- Khu vực xói lở bờ sông
- Diện tích do ngập lụt

- Địa điểm trú ẩn được chỉ định
- Địa điểm sơ tán khẩn cấp được chỉ định
- Địa điểm sơ tán khẩn cấp và nơi trú ẩn được chỉ định
- Nơi trú ẩn phúc lợi được chỉ định
- Tòa thị chính
- Sở cứu hỏa
- Đồn cảnh sát
- Không — Cơ sở vật chất cho người cần chăm sóc đặc biệt
- Trạm quan trắc mực nước
- Máy ảnh sông
- Độ cao (m)

- Tuyến đường ưu tiên cho việc vận chuyển khẩn cấp (Tỉnh)
- Tuyến đường ưu tiên cho việc vận chuyển khẩn cấp (thành phố)

| Địa điểm trú ẩn được chỉ định | ○: Có thể sử dụng △: Có thể sử dụng sau khi xác nhận an toàn | Loại thảm họa: Tai họa sạt lở đất | Lụt |
|---|---|---|---|
| Yashiro Minami Koto Gakko | | ○ | ○ |
| Yashiro Shogakko | | ○ | ○ |
| Yashiro Kominkan | | ○ | ○ |
| Shimin Koryu Senta | | ○ | ○ |
| Anzu no Sato Kanko Kaikan (Morinishi Bunkan) | | ○ | ○ |
| Anzu no Sato Hoikuen | | ○ | △ |
| Tobu Taiikukan | | ○ | △ |
| Higashi Shogakko | | ○ | △ |
| Tobu Jido Senta | | ○ | △ |
| Hanyu Chugakko | | ○ | ○ |
| Hanyu Kominkan | | ○ | ○ |
| Hanyu Shogakko | | ○ | ○ |
| Hanyu Jido Senta | | ○ | ○ |
| Hanyu Hoikuen | | ○ | △ |
| Kotobuki Arina Chikuma (Koshoku Taiikukan) | | ○ | △ |
| Shinshu no Sachi Anzu Horu (Koshoku Bunka Kaikan) | | ○ | △ |
| Chikuma-shi Jinken Fureai Senta | | ○ | △ |
| Kuiseke Hoikuen | | ○ | △ |
| Koshoku Kosodate Shien Senta | | ○ | △ |
| Goka Hoikuen | | ○ | △ |
| Goka Shogakko | | ○ | ○ |
| Goka Jidokan | | ○ | ○ |
| Yashiro Dai-Ichi-Ku Bunkan | | ○ | △ |
| Yashiro Dai-Ni-Ku Bunkan | | ○ | ○ |
| Yashiro Dai-San-Ku Bunkan | | ○ | △ |
| Morihigashi Bunkan | | ○ | ○ |
| Kurashina Komyuniti Senta (Kurashina Bunkan) | | △ | ○ |
| Jakumaku Bunkan | | △ | △ |
| Imojiya Bunkan | | ○ | ○ |
| Ussawa Bunkan | | ○ | △ |
| Ojima Bunkan | | ○ | ○ |
| Sakurado Bunkan | | ○ | △ |
| Kuiseke Bunkan | | ○ | △ |
| Shinden Bunkan | | ○ | △ |
| Naka Bunkan | | ○ | △ |
| Kashio Bunkan | | ○ | ○ |
| Uchikawa Bunkan | | ○ | ○ |
| Sembonyanagi Bunkan | | ○ | ○ |
| Kobuneyama Bunkan | | ○ | ○ |

**Cơ sở vật chất cho người cần chăm sóc đặc biệt(Tính đến tháng 1 năm 2025)**

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| ① Anzu no Sato Hoikuen | ⑪ Goka Jidokan | ⑱ Kenshin Gakuin | ㉖ Anjuso | ㉜ Yawaragi no Ie | ㊳ Bosuketto |
| ② Hanyu Hoikuen | Goka Rojin Komyuniti Senta | ⑲ SAKURA Nagano Minami Senta | Tokubetsu Yogo Rojin Homu | ㉝ Takurosho Uruoi | ㊴ Dei Sabisu Kokokara |
| ③ Kuiseke Hoikuen | ⑫ Renge Ryo | ⑳ Kurosu Rodo Chiiki Katsudo Shien Senta Chikuma | ㉗ Furansezu Yu Koshoku Furansezu Yu Koshoku Dei Sabisu Senta | ㉞ Daini Sasae Ai | ㊵ Chikuma Chuo Byoin |
| ④ Goka Hoikuen | ⑬ Gurupu Homu Ribon | ㉑ Churippu no Ie | ㉘ Chiiki Mitchaku-gata Tokubetsu Yogo Rojin Homu Shinano no Sato | Dei Sabisu Senta Nagaden Hatonetto Chikuma | ㊶ Gurupu Homu Mayu Sarashina |
| ⑤ Manshoji Hoikuen | ⑭ No o Sodateru Undo Ryoiku Senta Kodomo Purasu Chikuma Sakurado Kyoshitsu | ㉒ Atorasu Chikuma | ㉙ MediKea Chikuma Chuo | ㉟ Nagaden Hatonetto Chikuma Kamuriki no Sato | ㊷ Chiiki Mitchaku-gata Ninchisho Koreisha Gurupu Homu Mori no Sato |
| ⑥ Tokuoin Hoikuen | ⑮ Kodomo Sapoto Kyoshitsu "Kirari" Chikuma Ko | ㉓ Pikkoro | ㉚ Koshoku Dei Sabisu Senta | ㊱ Tsukui Chikuma | ㊸ Sakura Poto Hanyu |
| ⑦ Akane Hoikuen | ⑯ Inariyama Iryo Fukushi Senta | ㉔ Chikuma-shi Hoken Senta | ㉛ Yashiro Dei Sabisu Senta | ㊲ Rihabiri Tokka-gata Dei Sabisu Karada Rabo Chikuma Imojiya | ㊹ Kenko Puraza |
| ⑧ Koshoku Kosodate Shien Senta | ⑰ Inariyama Taiyo no Sono | ㉕ Mori no Sato Mori no Sato Dei Sabisu Senta | | | ㊺ Hifumi Chikuma Awasa Kyoshitsu |
| ⑨ Hanyu Jido Senta | | | | | ㊻ Miraiiro Hopu |
| ⑩ Tobu Jido Senta | | | | | |

Thành phố Chikuma

# Bản đồ nguy hiểm thiên tai lũ lụt và lở đất

**Quận Mori, Kurashina, Hanyu & Goka (Uchikawa/Kobuneyama)**

Bản đồ nguy cơ lũ lụt và sạt lở đất cho thấy các khu vực có thể bị ngập lụt nếu sông Chikuma hoặc các con sông do tỉnh Nagano quản lý (sông Sawayamagawa, sông Sarashinagawa, v.v.) tràn do lượng mưa dự kiến tối đa và các khu vực có thể bị hư hại nếu sạt lở đất hoặc thảm họa khác xảy ra.Kiểm tra bản đồ này để biết nơi trú ẩn và tuyến đường sơ tán để chuẩn bị cho thảm họa. Ngoài ra, tích cực tham gia các cuộc diễn tập thảm họa do cộng đồng tổ chức.

Sở Tổng hợp Thành phố Chikuma, Phòng Quản lý Khủng hoảng và Phòng chống Thiên tai
1-2 Kuiseke, Thành phố Chikuma, Tỉnh Nagano
Phát hành trong Tháng Bảy 2026
ĐT: 026-273-1111 / FAX: 026-273-1004